

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2023/TLST- DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc ‘Tranh chấp hợp đồng tín dụng’.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B;

Địa chỉ trụ sở: tầng 1,2,3,4,5,6 Tòa nhà Thai Holding Tower. Số 210 T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Song T. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Quảng Ninh. Địa chỉ: số 52-54, đường 25/4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người được ủy quyền lại: bà Nguyễn Thị Phương T1, ông Đinh Quang C - Cán bộ thuộc Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Ninh, PGD Q. Địa chỉ: Số 54, đường T, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: chị Nông Hồng Đ, sinh năm 1974; anh Phạm Văn T2, sinh năm 1974. Địa chỉ: khu 8, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ngân hàng TMCP B; chị Nông Hồng Đ; anh Phạm Văn T2 cùng thỏa thuận thống nhất:

Chấm dứt hợp đồng tín dụng số: HDTD31B2021123 ngày 09/7/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B với bà Nông Hồng Đ và ông Phạm Văn T2.

Bà Nông Hồng Đ và ông Phạm Văn T2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số HDTD31B2021123 ngày 09/7/2021 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2023 là **273.970.637 đ** (hai trăm bảy mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm ba mươi bảy đồng). Trong đó: nợ gốc: 252.010.000 đồng; nợ lãi: 20. 487. 478 đồng; lãi phạt gốc: 776.880 đồng; lãi phạt lãi: 696.279 đồng.

Lịch trình trả nợ cụ thể:

+ Đến ngày 05/9/2023, bà Nông Hồng Đ và ông Phạm Văn T2 có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP B.

+ Đến ngày 30/10/2023, bà Nông Hồng Đ và ông Phạm Văn T2 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi và lãi phạt phát sinh còn lại cho Ngân hàng TMCP B.

- Kể từ ngày 23/8/2023 (sau ngày hòa giải thành) trong thời gian chưa thanh toán nợ, bà Nông Hồng Đ và ông Phạm Văn T2 còn phải chịu lãi suất quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số HDTD31B2021123 ngày 09/7/2021.

- Đến ngày 31/10/2023, nếu bà Nông Hồng Đ và ông Phạm Văn T2 vi phạm thỏa thuận trên thì Ngân hàng TMCP B được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản thế chấp là 36 m² đất tại thửa đất số 164 (tách từ thửa 113), tờ bản đồ số P2 tại địa chỉ khu 8, phường Phong Hải, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 431112, sổ vào sổ cấp GCN: CH 218 do UBND thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh cấp cho ông Phạm Văn T2 và bà Nông Hồng Đ ngày 31/12/2010 đăng ký thay đổi lần 1 ngày 07/07/2021. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 6257, quyền số: 01.2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/07/2021.

- Trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp của khoản vay không đủ trả nợ thì bà Nông Hồng Đ và ông Phạm Văn T2 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

2.2. Về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm:

- Về chi phí tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Q đã chi phí về việc xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng). Ngân hàng TMCP B đã nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ. Nay bà Nông Hồng Đ, ông Phạm

Văn T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nông Hồng Đ, ông Phạm Văn T2 tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 6.849.265 đ (sáu triệu, tám trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm sáu mươi lăm **đồng**)

- Trả lại Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí: 7.000.000 đ (bảy triệu đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010300 ngày 29/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với **khoản tiền 10.000.000 đ** (mười triệu đồng) phải trả cho người được thi hành án) **cho đến khi thi hành án xong**, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều **6, 7, 7a và 9** Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSNDTX Q;
- Chi cục THADSTX Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Phan Hùng